TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH C**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố C, ngày 15 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2019/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N (Trần Bích N), sinh năm 1975;

Địa chỉ: tổ 2, phường Đ, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1971;

Địa chỉ: tổ 2, phường Đ, thành phố C, tỉnh C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị N (Trần Bích N) và anh Lê Văn K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N (Trần Bích N) và anh Lê Văn K đều thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Chị Trần Thị N (Trần Bích N) và anh Lê Văn K có 02 con chung tên là Lê Văn H, sinh ngày 24/02/1999 (hiện đã thành niên - không yêu cầu giải quyết) và Lê Văn Đ, sinh ngày 02/11/2006 chị Trần Thị N (Trần Bích N) và anh Lê Văn K thỏa thuận:

Chị Trần Thị N (Trần Bích N) là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 02/11/2006 cho đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Trần Thị N (Trần Bích N) không yêu cầu anh Lê Văn K cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh K nhất trí.

Anh Lê Văn K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Trần Thị N (Trần Bích N) và anh Lê Văn K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị N (Trần Bích N) và anh Lê Văn K mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, chị N tự nguyện nộp thay anh K số tiền án phí dân sự sơ thẩm 75.000 đồng, anh K nhất trí để chị N nộp thay số tiền án phí mà anh K phải nộp. Tổng cộng chị N phải nộp là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Trần Thị N (Trần Bích N) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Trần Thị N (Trần Bích N) số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0004073 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh C;
- TAND tỉnh C;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THA dân sự thành phố C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Bích Nga